



GÓP THÊM MỘT SỐ T- LIỆU VỀ QUAN HỆ GIỮA NG- ỒI THÁI VÀ NG- ỒI M- ỜNG Ở VIỆT NAM

HOÀNG L- ỜNG

LTS. Trong Số 3 năm 2001, Tạp chí Dân tộc học đã công bố một nghiên cứu của tác giả Hoàng L- ơng về Những dấu tích của ng- ời Thái ở vùng M- ờng Hoà Bình, trên chuyên mục Trao đổi ý kiến. Bài báo đã gây nên một số tranh luận và Toà soạn Tạp chí đã cho đăng công trình của tác giả Đặng Việt Bích, nhằm thảo luận với tác giả Hoàng L- ơng. Bài viết này, nh- tác giả Hoàng L- ơng tự bạch "không có ý tranh luận", song chúng tôi vẫn xếp vào chuyên mục Trao đổi ý kiến, với hy vọng làm sôi nổi thêm không khí học thuật.

Phân đọc bài *Giải thích về dấu tích ng- ời Thái ở vùng M- ờng Hoà Bình* của PGS.TS Đặng Việt Bích, trong mục *Trao đổi ý kiến* của Tạp chí Dân tộc học, số 6-2004 (tr. 49-51), tôi muốn đ- ọc bày tỏ lòng cảm ơn tới PGS.TS Đặng Việt Bích và bạn đọc đã quan tâm tới bài viết của tôi*. Trong bài này, tôi không có ý tranh luận mà mong góp thêm một số cứ liệu và suy nghĩ xung quanh vấn đề đã đặt ra.

Cho đến nay, đã có nhiều ý kiến bàn về nguồn gốc ng- ời M- ờng và ng- ời Thái, đặc biệt là mối quan hệ giữa hai tộc ng- ời này. Xin đ- ọc tóm tắt một số ý kiến chính nh- sau:

Ng- ời M- ờng là lớp c- dân ở n- ớc ta sống từ thời cổ đại. Họ là nhóm "ng- ời Việt miền núi" (*tảo tôi*), ng- ời ở trong (*mol kloong*); còn ng- ời Kinh đ- ợc gọi là ng- ời ở ngoài (*mon ngoai*) (ng- ời ở ngoài đồng

bằng)⁽¹⁾. Theo quan điểm này thì ng- ời M- ờng và ng- ời Kinh có chung nguồn gốc, sau đó họ mới tách ra thành hai tộc ng- ời nh- hiện nay.

Căn cứ trên cơ sở các nguồn t- liệu về nhân chủng học, ngôn ngữ học và dân tộc học... tác giả Bình Nguyên Lộc đã tổng hợp và phân tích nhiều nguồn t- liệu khác nhau, trong đó chú ý đặc biệt đến t- liệu của J.Cuisinier và đi đến kết luận rằng: "Ng- ời M- ờng tự nhận thấy rằng họ là ng- ời Việt, không phải họ thấy sang bắt quàng làm họ, mà trái lại, còn có bằng chứng ng- ợc hẳn". Ông còn khẳng định thêm: "Dầu sao cũng chắc chắn rằng họ là hậu duệ của ng- ời cổ Đông Sơn..."⁽²⁾ và "Chúng tôi tạm kết luận rằng ng- ời

* Xem: Hoàng L- ơng. *Những dấu tích của ng- ời Thái ở vùng M- ờng Hoà Bình*, Tc. Dân tộc học, Số 3 (111)-2001.

⁽¹⁾ Nguyễn L- ơng Bích. *Trong lịch sử, ng- ời Việt và ng- ời M- ờng là hai dân tộc hay một dân tộc*. Tạp chí Dân tộc học – Số 4/1974, tr. 1-2.

⁽²⁾ Bình Nguyên Lộc. *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*. Bách Bộc xuất bản – Sài Gòn, 1971, tr. 731, 735.

M- ờng là quý tộc Lạc Việt từ Hoa Nam Nam Thiên..."⁽³⁾. Theo ông, tầng lớp quý tộc này bị Triệu Đà, rồi Lộ Bác Đức và Mã Viện đánh đuổi phải chạy dạt xuống phía Nam, trong đó có cả quý tộc Thái. Điều đáng chú ý ở đây là số quý tộc này thiên di xuống ph- ơng Nam không mang đ- ợc đàn bà con gái theo vì họ không đủ sức và không đủ cả ý chí đi xa. Vì vậy, số quý tộc trên đã kết hôn với phụ nữ bản địa ở ph- ơng Nam và tạo ra lớp con cháu hỗn chủng giữa họ và Mëlannêdiên. Đó là tổ tiên ng- ời M- ờng hiện nay.

Nh- vậy, theo quan điểm của ông, ng- ời M- ờng là lớp c- dân Mã Lai đợt II từ ph- ơng Bắc thiên di xuống chỉ mới cách ngày nay khoảng 2.500 năm, "Khác hẳn dân của vua Hùng V- ơng đã đến đây từ 5.000 năm rồi"⁽⁴⁾. Tuy ng- ời M- ờng đồng chủng với ng- ời Kinh, nh- ng lại là ng- ời đến sau, bổ sung vào lớp Mã Lai đợt I là ng- ời Kinh cổ đại. Nếu quan điểm này đúng thì dù sao ng- ời M- ờng cũng thuộc vào lớp c- dân sinh sống ở n- ớc ta từ thời xa x- a.

Cùng với quan điểm cho rằng ng- ời M- ờng có mặt ở n- ớc ta từ thời cổ còn có các nhà ngôn ngữ học đã đ- a ra khá nhiều cứ liệu đáng tin cậy. Theo quan điểm của họ, đã từng tồn tại một thời kỳ "Tiên Việt - M- ờng" (Proto Việt - M- ờng) mà "c- dân của họ có khả năng là chủ nhân của những

di tích hậu kỳ đá mới hay sơ kỳ kim khí, có nét gần gũi với văn hoá Phùng Nguyên"⁽⁵⁾. Tiếp theo thời kỳ "Tiên Việt - M- ờng" là thời kỳ "Việt - M- ờng chung", chịu nhiều ảnh h- ớng của ngôn ngữ Thái mà các bộ lạc Tày cổ (tổ tiên nhiều nhóm Tày- Thái ngày nay ở Việt Nam), lúc đó đang tụ c- quanh vịnh Hà Nội⁽⁶⁾. Cuối cùng, do nhiều tác động của điều kiện tự nhiên và xã hội, khối c- dân "Việt-M- ờng chung" đã phân chia thành 2 tộc ng- ời riêng: ng- ời Kinh (có tác giả đã gọi là ng- ời Việt miền đồng bằng) và ng- ời M- ờng (ng- ời Việt miền núi).

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau giúp chúng ta hiểu biết cụ thể hơn về quá trình này. Mặt khác, các công trình đó cũng đã giúp chúng ta hiểu rõ tại sao giữa tiếng M- ờng và tiếng Kinh lại có những khác nhau về ngôn ngữ, văn hoá... nh- ng x- a kia họ đã từng là một khối c- dân thống nhất mà lâu nay chúng ta quen gọi là ng- ời Việt cổ (trong lớp c- dân đó bao gồm cả ng- ời M- ờng và ng- ời Kinh).

Theo quan điểm này, rõ ràng là ng- ời M- ờng không ở đâu đến cả mà họ đ- ợc hình thành trên cơ tầng Môn - Khơ me ở Bắc Đông D- ơng trong quá trình tiến xuống đồng bằng sau khi biến lùi ở xung quanh vịnh Hà Nội. Tại đây, họ đã cộng c- với các tộc Tày cổ và áp dụng mô hình kinh tế- xã hội lúa n- ớc của ng- ời Tày cổ

⁽³⁾ Bình Nguyên Lộc: *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*. Bách Bộc xuất bản – Sài Gòn, 1971, tr. 731, 735.

⁽⁴⁾ Bình Nguyên Lộc: *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*. Bách Bộc xuất bản – Sài Gòn, 1971, tr. 731, 735.

⁽⁵⁾ Phạm Đức D- ơng. *Nguồn gốc tiếng Việt: từ tiên Việt-M- ờng đến Việt-M- ờng chung*, trong: *Những vấn đề lịch sử văn hoá Đông Nam Á. Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á - Viện Đông Nam* □ xuất bản, Hà Nội, 1983. tr. 123, 125 và 132.

⁽⁶⁾ Phạm Đức D- ơng: Sđd, tr. 123, 125 và 132.

(vì x- a kia ng- ời M- ờng là c- dân canh tác n- ơng rẫy). Quá trình đó đã tạo nên lớp c- dân mới - c- dân Việt - M- ờng chung⁽⁷⁾. Nếu quan điểm này đúng thì rõ ràng ng- ời M- ờng có nguồn gốc từ một nhóm Môn- Khơ me cổ nào đó, chứ không phải là c- dân Mã Lai đợt II nh- tác giả Bình Nguyên Lộc đã khẳng định⁽⁸⁾.

Quan điểm trên cũng đã đ- ợc PGS.TS Đặng Việt Bích nhắc lại rằng: "Ng- ời M- ờng Hoà Bình, không phải là những c- dân đến một địa vực mà tr- ớc đó ng- ời Thái tụ c- và bỏ đi (...) mà chỉ là môi tr- ờng giữa hai nhóm c- dân- tộc ng- ời hình thành bởi sự l- ỡng hợp giữa hai nhóm c- dân - tộc ng- ời có cội nguồn ngôn ngữ, văn hoá và dòng máu khác hẳn nhau, đó là Thái và Nam Á (Môn- Khơme cổ - ĐVB). Hai nhóm c- dân thờ những vị thần khác nhau (thần núi Ba Vì, Sơn Tinh và nữ thần mẹ lúa - Mỵ N- ơng), d- ối sức ép của một tộc Nam Đảo hiếu chiến và thiện chiến (thờ thuỷ thần - thuỷ tinh)"⁽⁹⁾.

Tóm lại, theo quan điểm thứ nhất, ng- ời M- ờng là c- dân thuộc nhóm Môn- Khơme bản địa. Họ đã sinh sống ở Việt Nam từ thời cổ đại, thuộc lớp c- dân của các Vua Hùng ở thời kỳ dựng n- ớc. Thời đó họ sinh sống ở các s- ờn đồi ven thung lũng của vùng trung du và miền núi của l- u vực sông Thao và sông Đà. Loại hình kinh tế chủ yếu của họ là trồng trọt trên n- ơng rẫy và săn bắn, hái l- ợm.

Tiếp đó, do sự bùng nổ của dân số và sự kích thích của năng suất lúa n- ớc do c-

dân Thái cổ trồng trọt ở các vùng thung lũng và l- u vực sông Đà, sông Thao, cùng với sự hình thành đồng bằng Bắc Bộ do biển lùi (khoảng 4000 năm tr- ớc), họ đã "dồn toa" tràn xuống đồng bằng. Tại đây, lớp c- dân Môn- Khơme cổ này đã tiếp xúc với ng- ời Thái cổ và hình thành một cộng đồng c- dân mới. Đó là ng- ời Việt - M- ờng chung, tổ tiên của ng- ời Kinh và ng- ời M- ờng hiện nay.

Tr- ớc và sau Công nguyên, khối Việt- M- ờng chung bị phân chia thành 2 nhóm: nhóm Việt miền đồng bằng (sau trở thành ng- ời Kinh) và nhóm Việt miền núi (sau trở thành ng- ời M- ờng). Nguyên nhân dẫn đến sự chia tách này có nhiều, song có lẽ chủ yếu là do sự tiếp xúc văn hoá và cộng c- với lớp ng- ời Hoa, nhất là Hán của nhóm c- dân Việt miền đồng bằng từ khi chúng sang xâm chiếm n- ớc ta.

Cuộc tiếp xúc sớm sủa đó đã để lại một kết quả là ng- ời M- ờng và ng- ời Thái đã trở thành "hai ng- ời bạn láng giềng"* thân thiết với nhau. Vì vậy sau này chúng ta có thể tìm thấy nhiều yếu tố kinh tế, văn hoá xã hội M- ờng có các yếu tố Thái cổ và ng- ọc lại. Trong đó, đặc biệt là ngôn ngữ của họ đã bộc lộ khá rõ ràng kết quả của cuộc tiếp xúc sớm sủa và cơ bản này.

Trong những năm qua, khi đ- ợc tiếp xúc và làm việc với các học giả Thái Lan hoặc học giả các n- ớc khác (nhất là của các châu: Âu, Mỹ và Úc) nghiên cứu về Thái Lan, tôi rất ngạc nhiên khi nhận ra rằng, trong tiếng Thái Lan hiện đại đang có khá nhiều từ đồng âm đồng nghĩa với tiếng Môn - Khơme, nhất là tiếng Kinh ở Việt Nam.

* □ của GS. Hà Văn Tấn

⁽⁷⁾ Phạm Đức D- ơng: Sdd, tr. 123, 125 và 132.

⁽⁸⁾ Bình Nguyên Lộc: Sdd, tr.720.

⁽⁹⁾ Đặng Việt Bích: *Giải thích về dấu tích ng- ời Thái ở vùng M- ờng Hoà Bình*. Tạp chí Dân tộc học, số 6-2003, tr.51.

Tr- óc đây, nhiều nhà ngôn ngữ học Việt Nam cũng đã nhận ra những từ đồng âm và đồng nghĩa giữa tiếng Thái và tiếng Kinh. Lúc đó, tôi lại t- ờng rằng vì ng- ời Thái và ng- ời Kinh sống gần nhau trong đất n- óc Việt Nam nên sự giống nhau là hiện t- ợng dĩ nhiên. Nh- ng, khi tìm hiểu

thì lại không hẳn do cuộc tiếp xúc muộn màng về sau này. Bởi vì, nếu sự tiếp xúc diễn ra muộn nh- thế thì không thể có cả một hệ thống từ vựng cơ bản của tiếng Kinh và tiếng Thái giống nhau đến nh- thế.

Sau đây là một số cứ liệu chứng minh cho điều đó.

1. Lịch 12 tháng trong một năm của V- ơng quốc Thái Lan hiện nay tính theo tên 12 con vật:

Tháng	Tên 12 con vật lịch Thái Lan	Tiếng Thái Lan	Tiếng M- ờng	Tiếng Kinh
1	Chuật	Nu	Thrê (chuột)	Chuột
2	Salu	Khoai (ngua)	Clu (põ)	Trâu (bò)
3	Khản	X- a	Khải (mong)	Hổ
4	Thọ	Katai	Thọ	Thỏ
5	Marông	Ngu nhày	Thrô ông	Rông
6	Ma sêng	Ngu nọi	Sêng	Rắn
7	Ma mia	Mạ	Ngựa	Ngựa
8	Mame	Phệ (bẹ)	Tê	Dê
9	Voọc	Linh	Voọc	Khỉ (voọc)
10	La ca	Cậy	Ca	Gà
11	Chọ	Ma	Chọ	Chó
12	Cụi	Mu	Cụi	Lợn

Trong 12 con vật trên đã có 10 con đồng âm đồng nghĩa với tiếng M- ờng (tiếng Việt cổ), chỉ còn 2 con ngựa và dê không giống nhau trong tiếng Thái và tiếng M- ờng. Điều này giải thích rằng, vì con ngựa và con dê là 2 con vật vốn dĩ là của c- dân chăn nuôi ph- ơng Bắc, x- a kia có thể chúng ch- a có mặt ở vùng Đông Nam Á cổ đại. Hiện t- ợng đó càng củng cố thêm quan niệm về mối quan hệ gần gũi giữa khối c- dân Môn- Khơme (tiền Việt- M- ờng) và khối c- dân Thái cổ đã diễn ra

tại vùng Nam Á cổ đại. Điều đó cũng khẳng định thêm, cuộc tiếp xúc đó chỉ diễn ra trong vùng Đông Nam Á cổ đại chứ không diễn ra ở bất cứ nơi nào khác.

Điều lý thú ở đây là tại sao ng- ời Thái Lan lại phải sử dụng đến 10 tên con vật của tiếng Môn- Khơme trong khi ng- ời Thái cổ đã có lịch 12 con vật bằng tiếng Thái ? Hơn nữa, trong tiếng Thái hiện nay lại có hàng loạt từ (130 từ) đồng âm đồng nghĩa với tiếng Kinh (gồm cả tiếng M- ờng - Môn-Khơme) ?

**2. Một số từ đồng âm đồng nghĩa giữa tiếng Thái
và tiếng Kinh (M- ờng - Môn- Khơme)**

Số TT	Tiếng Thái	Tiếng Kinh	Ý nghĩa trong tiếng Kinh	Số TT	Tiếng Thái	Tiếng Kinh	Ý nghĩa trong tiếng Kinh
1	Tồn	Đón	Đón	66	Nhỉ ta	Nhử mắt	Rử mắt
2	Tịt	Tịt	Tắc tịt	67	Can	Đòn càn	Cái đòn
3	Ta kiêng	Kiêng	Cái kiêng	68	Ma	Chó má	Con chó
4	Vạy	Vái	Vái lạy	69	Hom	Hóm, thơm	Thơm tho
5	Vong	Vòng	Vòng tròn	70	Huối	Suối	Con suối
6	Xiệp	Xếp	Xếp vào	71	Ka	Kai	Cái ca
7	Soi	Soi	Đ- ờng ngách	72	Kổng, cong	Trống, cong	Trống, cong
8	Sook	Súc (miệng)	Sóc lên	73	Loỏng	Đuống	Đuống già gạo
9	Suôi	Thoi	Cái thoi	74	Thoọng	Lòng	Lòng, bụng
10	Sột	Sốt	Sốt dẻo	75	Thản	Than	Than củi
11	Hỉ	Hỉ	Hỉ mũi	76	Đoi	Đồi	Đồi núi
12	S-	Chữ	Chữ viết	77	Mọt	Mót	Mót lúa
13	Sụt	Sụt	Sụt lỗ	78	Sem	Thèm	Thèm ăn
14	Sặn	Ngấn	Ngấn	79	Khềm	Sém	Chay
15	Pome	Bố mẹ	Bố mẹ	80	X- ơng	Th- ơng	Th- ơng yêu
16	Pa mực	Cá mực	Cá mực	81	Nhảm	Nhảm	Nhảm r- ợu
17	Mực	Mực	Mực viết	82	Quảy khen	Quay tay	Quay tay
18	Piễn	Biển	Biển đổi	83	Chim, chặm	Chấm	N- ớc chấm
19	Puột	Buốt	Đau buốt	84	Chiêng	Giêng	Tháng Giêng
20	Pì	Bì	Vỏ cây	85	Xiêng	Tiếng	Tiếng nói
21	Líp	Lép	Hạt lép	86	Nghiêng	Nghiêng	Nghiêng ngả
22	Phả	Pha	Pha, chặt	87	Viêng, chiêng	Chiêng, viêng	Trung tâm
23	Huổng	Hoảng	Hoảng sợ	88	Họt hiu	Xót xa	Xót xa
24	L- ơng	L- ờng	Đo l- ờng	89	Pát	Bát	Bát lấy
25	Nhộm	Nhuộm	Nhuộm vải	90	Mọp	Móp	Nằm xuống
26	Hông	Hông xôi	Đồ cơm	91	Pun	Bùn	Bùn bùi
27	Nghển	Nghển	Nghển cổ	92	Pỏn	Bón	Bón cơm
28	Ớp	Ớp, áp	Ớp vào	93	Pọc	Bóc	Bóc vỏ
29	Giọt	Rót	Rót vào	94	Lau	Lau	Chùi
30	Lôn	Lộn	Lấn lộn	95	Phạt	Phát	Phát cây

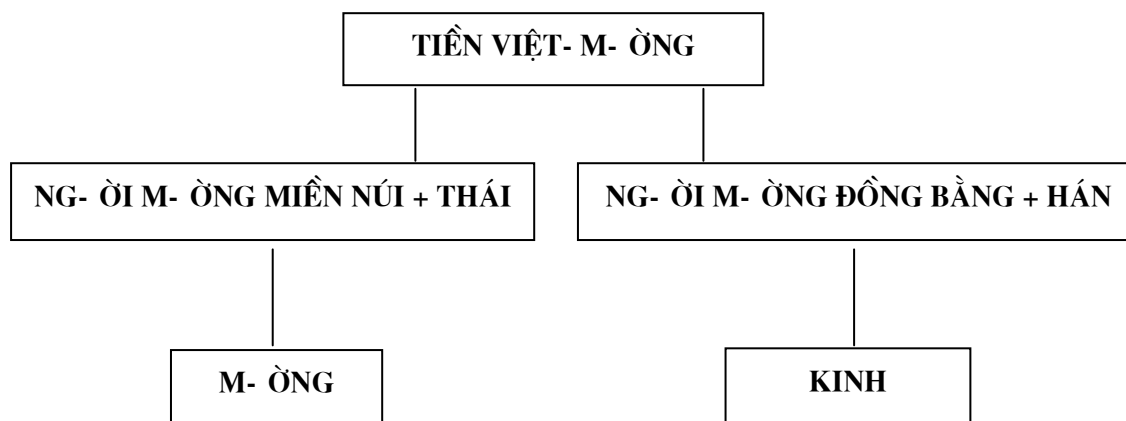
31	Nhiu ta	Nhú	Nhú mắt	96	M- ơng	M- ơng	M- ơng phai
32	Khim	Kim	Cái kim	97	Lai	Lái	Mố lái
33	Đậu	Đậu	Đậu xuống	98	Phai	Phai	Cái phai (đập)
34	Lêm	Liếm	Liếm mớ	99	Nẹn	Nén lại	Ép lại chặt
35	Luộc	Luộc	Luộc rau	100	Xẻn	Xén	Xén cây
36	Khep	Hẹp	Chặt chội	101	Xin	Xén gọt	Xén bằng
37	Mọt	Mọt	Con mọt	102	Nôm	Nộm	Nộm rau
38	Dăng	Chăng	Chăng dây	103	Keng	Canh	N- ớc canh
39	Ngọt	Ngót	Ngót xuống	104	Lô	Lô (tá)	Lô hàng
40	Lat	Lạt	Lát vào	105	Sệt	Hết	Hết, xong rồi
41	Lũm	Lũm, lổm	Lổm xuống	106	Khảo	Khao	Chia nhau ăn
42	Kha rạ	Rạ, rác	Rác r- ối	107	Giam	Giam	Giam giữ
43	Đ-	H-	H- hông	108	Chẹc	Chia	Chia nhau
44	Dảng	Dạng	Kiểu (này, nọ)	109	Lakha,kha	Giá	Giá cả
45	Coi	Côi	Cái côi (mông)	110	Hẹng	Hanh khô	Khô cạn
46	Cận	Cản	Ngăn cản	111	Nuột	Nuột	Nặn bóp
47	Dựt	Rứt lại	Dừng, co lại	112	Tọn	Tolni (m- ờng)	Lúc này
48	Cô đột	Đột nhập	Đột nhập vào	113	Dom	Nhòm,ngó	Dòm ngó
49	D- ng	Dâng	Dâng lên	114	Pả	Bà	Bà bác
50	Cảo	Báo cáo	Báo cáo	115	Chí	Chỉ	Chỉ tay
51	Chôm	Chim	Chìm xuống	116	Loi	Lội	Lội, bơi
52	Dỡn	Dồn	Dồn lại	117	Nẻ	Né	Tránh né
53	Mông	Mong (trong)	Ngóng đợi	118	Khen	Kèn	Khèn (bè)
54	Uôn ẹo	Uốn éo	Uốn éo	119	Nang	Nàng	Nữ quý tộc
55	Ta lột	Chót lột	Xuôn xẻ	120	Nạ	Mặt nạ	Mặt (ng- òi)
56	Lọc	Lọc lừa	Lừa nhau	121	Can, ngăn	Công cán	Công việc
57	Đăng	Phong đăng	Tolên,lớn lên	122	Khem	Kiềng khem	Kiềng ky
58	Quạt	Quát, quét	Quét (nhà)	123	Mụt	Tối mịt	Tối lẫm
59	Quả	Quá	Quá lên	124	Coi	Trông coi	Trông coi
60	Pại	Bãi	Bãi xe	125	Tạ	Đá	Chân đá
61	Leo	Lỏng lẻo	Không đặc	126	M- ời	Mỏi	Mệt mỏi
62	Ngân	Ngân	Tiền (bạc)	127	Pể	Bể	Bế con
63	Xiêng	Tiếng	Tiếng nói	128	Vi	L- ọc bí	Cái l- ọc
64	Sạn, hạn	Sàn	Sàn (nhà)	129	Pọt	Bọt	Bọt n- ớc
65	Xo, kho	Xin xỏ	Xin	130	Si	Si	Si trẻ đái

Ngoài những cứ liệu trên, tháng 11- 1994, tôi có dịp đến thăm làng ng- ời Môn ở Banglamphu tỉnh Petchaburi (phía Tây Nam Băng Cốc – Thái Lan). Tại đây khi hỏi các ông bà già ng- ời Môn, tôi đã có đ- ợc 35 từ trong số 50 từ tiếng Môn đ- ợc hỏi giống với tiếng M- ờng Việt Nam. Đặc biệt là hệ số đếm của ng- ời Môn ở đây và tiếng M- ờng giống nhau đến 80% (chỉ có điều là tiếng Môn phát âm nặng hơn tiếng M- ờng).

Nh- vậy, có thể nhận ra rằng tiếng M- ờng là trực hệ của ng- ời Môn chứ không phải là trực thuộc khối cộng đồng Môn- Khơme nói chung. Còn ng- ời M- ờng là trực hệ của nhóm Môn cụ thể nào và từ đâu đến, vào thời gian nào thì còn phải tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu thêm.

Theo những nguồn t- liệu đã biết, có thể nói rằng nhóm Môn trực hệ của ng- ời M- ờng không từ đâu đến mà họ thuộc khối Môn- Khơme cổ đại đã từng phân bố khắp vùng Đông Nam Á x- a kia. Họ chính là ng- ời bạn láng giềng của khối c- dân Thái cổ đã từng khai phá và tụ c- ở các thung lũng sông suối của vùng Đông Nam Á thời đó, và sự tiếp xúc ngôn ngữ, văn hoá đã nảy sinh từ thời đó. Cho đến nay, kết quả của sự tiếp xúc ấy vẫn còn đọng lại khá sâu sắc trong cả hai dân tộc Thái, M- ờng nh- những t- liệu đã biết ở trên đây.

Trên cơ sở này, có thể phác ra sơ đồ quá trình hình thành ng- ời M- ờng và ng- ời Kinh nh- sau:



Theo sơ đồ này, ng- ời M- ờng và ng- ời Kinh tách nhau ra từ thời cổ đại chứ không phải mới tách ra gần đây nh- các ý kiến đã trình bày nêu trên. Đồng thời quá trình này, trong lòng của cả hai dân tộc

M- ờng và Kinh đã mang đậm yếu tố Môn- Khơme và Thái cổ.

Điều này còn xác nhận thêm quan điểm cho rằng ng- ời Thái cổ có mặt ở Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng từ thời cổ đại là điều dễ hiểu.